TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 7 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mậu Thìn

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **A**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam, (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **B**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Hàn Quốc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại Việt Nam và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận kết hôn Số 24/2022 ngày 14/11/2022. Sau khi tổ chức lễ cưới anh B trở về Hàn Quốc, không có chung sống vợ chồng với nhau. Sau khi về Hàn Quốc vài ngày anh B có điện thoại, nhưng vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ và anh B cũng không về Việt Nam; không làm thủ tục bảo lãnh chị sang Hàn Quốc sống. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh B và thực tế mỗi người ở một nơi, yêu cầu được ly hôn với anh B. Chị và anh B không có con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh B, khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tống đạt văn bản tố tụng cho anh B, Tòa án triệu tập anh B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2023, Bộ Tư pháp ban hành Văn bản số 1374/CH-BTP chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp đến Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Đại Hàn Dân Quốc để tống đạt giấy tờ cho anh B.

Ngày 10/4/2023 anh B có văn bản gởi về Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, nội dung: *''Hiện tại tôi và chị A đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, do tôi đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, không thể về Việt Nam, yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt tôi không phụ thuộc vào thời gian theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng ý ly hôn với chị A, con chung và tài sản chung, nợ chung không có; ủy quyền cho chị C, sinh năm 1990, địa chỉ ấp Quốc Kỷ, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu nhận văn bản tố tụng, bản án, quyết định của Tòa án."*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 19, 55, 122, 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị A cư trú tại tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B cư trú tại Hàn Quốc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp đối với bị đơn anh B đúng quy định của pháp luật. Anh B có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh B.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện O cấp giấy chứng nhận kết hôn Số 24/2022 ngày 14/11/2022, nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam công nhận và bảo vệ.

Từ khi kết hôn đến nay chị A và anh B không chung sống. Chị A xác định hiện tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người ở một nơi. Ngày 10/4/2023 anh B có văn bản gởi về Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, nội dung đồng ý ly hôn với chị A, con chung và tài sản chung, nợ chung không có, văn bản được chứng nhận, hợp pháp hóa lãnh sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: " *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", nhưng hôn nhân của chị A và anh B không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và thực tế hiện nay mỗi người một nơi, là mục đích hôn nhân không đạt được và anh B cũng có văn bản đồng ý ly hôn với chị A. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B xác định vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B.

1. Về hôn nhân: Cho chị A ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp:

3.1 Án phí dân sự về Hôn nhân và gia đình chị A phải chịu 300.000 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng,(ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai

thu số 0000381 ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3.2 Lệ phí ủy thác tư pháp chị A phải chịu 200.000 đồng, chị A đã nộp 200.000 đồng, (hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000389 ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu chuyển thu lệ phí.

Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện O;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương